DUCLONG GROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐỨC LONG GIA LAI
02 Đặng Trần Côn – Tp Pleiku - Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán
Kết thúc ngày 30/06/2012

Năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
A	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**1.367.724.317.206**	**1.176.699.848.072**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**6.881.717.574**	**8.670.784.056**
1.	Tiền	111	5	6.881.717.574	4.470.784.056
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	4.200.000.000
II	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**43.525.151.221**	**45.376.707.554**
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	6	43.525.151.221	45.376.707.554
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn han	129		-	
III.	**Các khoản phải thu**	**130**		**906.437.396.925**	**709.771.270.903**
1.	Phải thu của khách hàng	131		328.210.643.894	448.191.368.680
2.	Trả trước cho người bán	132		273.005.073.517	104.405.455.902
3.	Các khoản phải thu khác	135	7	305.242.123.784	157.194.890.591
4.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(20.444.270)	(20.444.270)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**383.189.674.045**	**385.729.436.329**
1.	Hàng tồn kho	141	8	383.279.773.566	385.819.535.850
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(90.099.521)	(90.099.521)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**27.690.377.441**	**27.151.649.230**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.912.768.006	2.071.244.316
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.534.698.386	4.056.844.584
3.	Các khoản thuế phải thu Nhà nước khác	154	10	1.496.943.884	1.267.429.514
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	11	20.745.967.165	19.756.130.816
B	**TÀI SẢN DÀI HẠN**			**885.551.156.382**	**749.212.101.987**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**704.227.383.452**	**573.808.321.534**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	198.052.405.600	187.191.132.023
	- Nguyên giá	222		259.573.402.670	240.822.584.195
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.520.997.070)	(53.631.452.172)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	1.088.666.026	1.193.414.170
	- Nguyên giá	225		2.038.366.636	2.038.366.636
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(949.700.610)	(844.952.466)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	14	95.464.311.390	95.512.876.836
	- Nguyên giá	228		95.795.093.510	95.795.093.510
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(330.782.120)	(282.216.674)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	409.622.000.436	289.910.898.505
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**	16	**66.720.417.973**	**66.720.417.973**
	- Nguyên giá	241		66.720.417.973	66.720.417.973
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**104.027.159.558**	**97.324.778.372**
1.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.045.308.861	8.045.308.861
2.	Đầu tư dài hạn khác	258	17	95.981.850.697	89.279.469.511
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**10.576.195.399**	**11.358.584.108**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	18	8.042.191.431	8.333.160.833
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.198.203.968	2.689.623.275
3.	Tài sản dài hạn khác	268	19	335.800.000	335.800.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**2.253.275.473.588**	**1.925.911.950.059**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
A	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**1.352.183.860.637**	**1.399.332.558.885**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**855.082.378.624**	**973.651.375.047**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	20	534.196.546.947	409.120.412.874
2.	Phải trả cho người bán	312		130.677.376.069	222.062.308.707
3.	Người mua trả tiền trước	313		20.582.823.539	31.127.713.630
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	29.776.691.519	21.744.877.664
5.	Phải trả người lao động	315		6.974.589.124	4.489.222.185
6.	Chi phí phải trả	316	22	37.997.186.888	26.729.304.327
7.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	23	93.742.834.471	257.511.809.020
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.134.330.067	865.726.640
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**497.101.482.013**	**425.681.183.838**
1.	Phải trả dài hạn khác	333		327.000.000	327.000.000
2.	Vay và nợ dài hạn	334	24	460.077.590.318	203.520.351.300
3.	Doanh thu chưa thực hiện	338	25	8.707.891.695	8.433.832.538
4.	Chứng khoán phát Hành	339		27.989.000.000	213.400.000.000
B	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**794.475.941.786**	**419.226.745.663**
I	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**794.475.941.786**	**419.226.745.663**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	26	670.851.080.000	352.107.080.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	26	49.938.762.000	3.442.712.000
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	26	-	
4.	Quỹ đầu tư phát triển	417	26	15.402.651.787	13.074.838.735
5.	Quỹ dự phòng tài chính	418	26	4.502.494.127	4.192.390.700
6.	Lợi nhuận chưa phân phối	420	26	53.780.953.872	46.409.724.228
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	
II	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**420**			
C	**LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**	**439**		**106.615.671.165**	**107.352.645.511**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**430**		**2.253.275.473.588**	**1.925.911.950.059**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	CHỈ TIÊU		30/06/2012	31/12/2011
	Ngoại tệ các loại	USD	2.480,77	2.765,02

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Đình Trạc	Nguyễn Thanh Tùng	Trần Thị Tinh Tú

Gia Lai, ngày 14 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý II năm 2012

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
				Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
1.	**Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ**	**01**	27	**127.910.113.892**	**229.105.472.231**	**388.324.758.909**	**432.939.338.942**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27		5.504.440.930	5.947.133.636	5.504.440.930
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và CC D.vụ	10	27	127.910.113.892	223.601.031.301	382.377.625.273	427.434.898.012
4.	Giá vốn hàng bán	11	28	113.833.951.521	190.042.348.810	338.712.493.900	358.037.965.803
5.	**Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp D.vụ**	**20**		**14.076.162.371**	**33.558.682.491**	**43.665.131.373**	**69.396.932.209**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	6.888.605.214	13.180.402.077	10.243.892.093	14.058.057.737
7.	Chi phí tài chính	22	30	10.803.851.863	31.909.896.139	23.300.469.006	38.082.140.547
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		10.803.212.060	31.830.502.913	*16.335.896.733*	*37.636.877.642*
8.	Chi phí bán hàng	24		1.234.077.037	387.586.500	2.171.832.321	1.939.103.665
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.243.965.045	9.611.718.565	13.681.582.318	15.568.528.693
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**2.682.873.640**	**4.829.883.364**	**14.755.139.821**	**27.865.217.041**
11.	Thu nhập khác	31	31	403.781.330	1.869.759.771	523.274.515	3.950.471.295
12.	Chi phí khác	32	32	873.455.534	1.232.527.047	1.004.471.303	4.230.184.017
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(469.674.204)**	**637.232.724**	**(481.196.788)**	**(279.712.722)**
14.	**Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh**	**45**			**(559.755.831)**	-	**(559.755.831)**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	33	**2.213.199.436**	**4.907.360.256**	**14.273.943.033**	**27.025.748.488**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	1.120.161.182	2.673.825.478	4.537.898.922	8.619.626.810
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(19.618.585)	(1.541.643.253)	(1.434.876.469)	(1.541.643.253)
18.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**	33	**1.112.656.839**	**3.775.178.031**	**11.170.920.580**	**19.947.764.931**
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(611.165.881)	793.768.894	(152.824.218)	1.444.601.451
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông cty mẹ	62		1.723.822.720	2.981.409.137	11.323.744.798	18.503.163.480
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	35,51	93,14	233,27	578,05

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Đình Trạc	Nguyễn Thanh Tùng	Trần Thị Tinh Tú

Gia Lai, ngày 14 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Quý II năm 2012

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	30/06/2012 VND	30/06/2011 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	471.430.286.607	376.426.902.288
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(194.787.995.718)	(370.881.456.790)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(12.679.281.905)	(15.357.911.505)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(23.244.611.173)	(19.497.894.647)
5.	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.411.900.140)	(2.661.279.813)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	258.552.326.451	445.884.271.065
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(728.540.162.762)	(532.326.885.205)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(230.681.338.640)**	**(118.414.254.607)**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(318.369.641.634)	(114.245.619.185)
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	2.299.075.243	3.066.268.874
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(124.400.000)	(23.012.440.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6.136.000.000	1.552.270.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.396.000.000)	(8.900.766.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.000.000.000	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.077.837.821	2.053.603.319
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(301.377.128.570)**	**(139.486.682.992)**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	179.845.550.000	7.633.740.000
2.	Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	523.629.556.213	537.454.312.657
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(169.882.998.975)	(269.824.750.020)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.210.276.274)	(518.000.000)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.112.805.236)	(882.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**530.269.025.728**	**274.744.420.637**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(1.789.441.482)**	**16.843.483.038**
	Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	**60**	8.670.784.056	17.120.367.903
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	375.000	268.450.396
	Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	**70**	**6.881.717.574**	**34.232.301.337**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Đình Trạc	Nguyễn Thanh Tùng	Trần Thị Tinh Tú

Gia Lai, ngày 14 tháng 08 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/10/2011. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mủ cốm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa biết phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa biết phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mủ cốm);
- Sản xuất săm, lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su;
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
- Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Vận tải bằng xe buýt; Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ); Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị); Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Chi tiết: Mua bán phân bón);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn); Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác;
- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu); Đại lý mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác; Quảng cáo; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng); Chế biến khoáng sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Các Công ty con được hợp nhất

✓ ***Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai***

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô C4, đường số 4, KCN Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Cưa xẻ bào gỗ và bảo quản gỗ; Mua bán gỗ các loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Tư vấn thiết kế về trang trí nội thất; Mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.
- Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 91,71%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai***

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt; Vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng; Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ ăn uống khác; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn tổng hợp; Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.
- Vốn điều lệ: 20.699.940.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 54,67%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai***

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 Khu Công Nghiệp Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 66,67%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

✓ ***Công ty TNHH Cung ứng Nguyên vật liệu vật tư & Thiết bị Đức Long Gia Lai***

- Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Mua bán kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Mua bán máy móc, thiết bị chế biến gỗ, chế biến đá.
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 100,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai***

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện lớn; Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng các công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu; Xây dựng công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp; Đầu tư cung cấp nước sạch, Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Đầu tư, xây dựng, quản lý khu du lịch sinh thái; Nuôi trồng thủy sản; Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai***

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Thành phố Pleiku.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Sản xuất, chế tạo vật tư, cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho cắc công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Mua bán vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Quảng cáo; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất; Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sữa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh; Đầu tư, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi; Phá dỡ công trình; Chuẩn bị mặt bằng xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hóa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công, các công trình công nghiệp, dân dụng và nhà máy thủy điện.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty Cổ phần Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc***

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đầu tư xây dựng bến bải; Dịch vụ ăn uống; Đại lý mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan; Đại lý mua bán chất bôi trơn và làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú; Bán buôn tổng hợp; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 56,56%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty Cổ phần Trồng rừng và cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai***

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng cây cao su; Trồng cây lâu năm khác; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 95,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai***

- Địa chỉ trụ sở chính: 5/21 Nguyễn Cửu Đàm, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú , Tp HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai***

- Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, sứ, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng; Khai thác khoán sản (không khai thác tại trụ sở); Kinh doanh vận chuyển hàng bằng ôtô; Lập báo cáo đầu tư , dự án đầu tư. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán). Lập tổng dự toán và dự toán. Tư vấn đấu thầu. Quản lý dự án. Cho thuê máy móc – thiết bị công trình xây dựng; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch : khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở); Kinh doanh dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ giữ xe. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Đào tạo nghề.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên***

- Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán thiết bị. Lắp đặt hệ thống điện lạnh. Mua bán, sửa chữa máy móc, thiết bị ngành điện lạnh (không tái chế phế thải, gia công cơ khí, và xi mạ điện tại trụ sở); Môi giới thương mại, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán); Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình đường bộ. Xây dựng công trình công ích; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai***

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác quặng sắt, quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (không khai thác tại tỉnh Gia Lai); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại: các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích, công trình công nghiệp và công trình dân dụng kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long***

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối phố 3, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình đường bộ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Xây dựng nhà các loại; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ công trình; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành cầu đường, dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Khai thác đá Granit, đá Bazan.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai***

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Vận tải hàng; Bốc xếp hàng hóa; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng các loại công trình: thủy lợi, công nghiệp, đường bộ, điện đến 35 KV.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông***

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 65,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai***

- Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị Trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 70,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai***

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT & BT).
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng***

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bế Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống. Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật. phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng. mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng. kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1a, xã Hòa Phước huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 85,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/06/2012 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

✓ ***Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Mười Tùng***

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình công nghiệp; Đầu tư, xây dựng công trình (theo hình thức BOT & BT); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/06/2012 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

✓ ***Công ty Cổ phần Giáo dục thể thao và du lịch Đức Long Gia Lai.***

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục tiểu học; Giáo dục thể thao và giải trí; Giáo dục văn hóa nghệ thuật; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
- Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/06/2012 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

✓ ***Công ty Cổ phần Điện Đức Long Tà Nung Đà Lạt.***

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, Thôn 4, Xã Tà Nung, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; (Công trình đường bộ, thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, giao thông, hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống điện; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Xây dựng công trình công ích; Hoàn thiện công trình xây dựng; Lập dự án thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình hạ tầng cơ sở. Sản xuất, chế tạo, kinh doanh vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường. Sản xuất vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội, ngoại thất (không bao gồm hoạt động chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng). Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh. Đầu tư quản lý các dự án công trình dân dụng, công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện (không bao gồm môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, kinh doanh bất động sản). Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công các công trình thủy điện lớn và các công trình vừa và nhỏ. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp. Đầu tư cung cấp nước sạch, chế biến vật liệu xây dựng. Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng. Đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch sinh thái. Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông. Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.

- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến ngày 19 tháng 04 năm 2012 công ty giải thể theo thông báo số 99/ĐKKD do phòng đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch $ Đầu tư Lâm đồng thông báo giải thể.
- Các Công ty liên kết

✓ ***Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai.***

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Quang Trung, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán; Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán do đơn vị khác lập; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng xây dựng công trình; Thi công xây lắp các công trình; Thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp.
- Vốn điều lệ: 2.961.000.000 đồng.Trong đó Công ty sở hữu: 20,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ ***Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên.***

- Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phương Diên Hồng, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trông cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khái thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt, thép; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.Trong đó Công ty sở hữu: 40,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/03/2012 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan; Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Các cơ sở kinh doanh chịu đồng kiểm soát là các cơ sở kinh doanh mà Công ty cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận. Khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát và ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày Công ty kết thúc quyền đồng kiểm soát.

Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của Ngân hàng mà Công ty giao dịch tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao luỹ kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 12
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đi thuê đất).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 - 5

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.13 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong năm.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.14 Phân phối lợi nhuận thuần

4.15 Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.16 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.

  Các Công ty con được hưởng các ưu đãi về thuế như sau:

  - Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong vòng 8 năm (từ năm 2008 đến 2015) và giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 năm tiếp theo kể từ năm 2008. (Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 39221000010 ngày 20/12/2007 của Ban quản lý các KCN Tỉnh Gia Lai).
  - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 25% lợi nhuận thu được. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000119 ngày 12 tháng 01 năm 2011 của UBND Tỉnh Gia Lai, Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và giảm 50% cho 04 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	3.954.042.960	3.140.355.464
Tiền gởi ngân hàng	2.927.674.614	1.330.428.592
Các khoản tương đương tiền		4.200.000.000
Cộng	**6.881.717.574**	**8.670.784.056**

6. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư ngắn hạn khác(gởi tiết kiệm ngân hàng)	-	1.000.000.000
Cho vay ngắn hạn	43.525.151.221	44.376.707.554
	-	
Cộng	**43.525.151.221**	**45.376.707.554**

7. Các khoản phải thu khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi dự thu	10.328.300	58.333.334
Các khoản phải thu khác	305.231.795.484	157.136.557.257
Cộng	**305.242.123.784**	**157.194.890.591**

8. Hàng tồn kho

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	116.237.694.796	109.864.686.549
Công cụ dụng cụ	362.986.086	6.379.580.137
Chi phí SXKD dở dang	146.992.825.703	153.979.985.359
Thành phẩm	31.838.978.348	31.265.371.675
Hàng hóa	87.847.288.633	84.329.912.130
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(90.099.521)	(90.099.521)
Cộng	**383.189.674.045**	**385.729.436.329**

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	167.840.501	1.349.943.948
Chi phí ngắn hạn chờ phân bổ	1.744.927.505	721.300.368
Cộng	**1.912.768.006**	**2.071.244.316**

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/06/2012	31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	VND	VND
Thuế GTGT nộp thừa		1.267.429.514
- Thuế GTGT	1.293.744.828	1.064.230.458
- Thuế Thu nhập DN	47.440.376	47.440.376
+ Tiền thuê đất, thuế nhà đất	155.758.680	155.758.680
Cộng	**1.496.943.884**	**1.267.429.514**

11. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	20.732.467.165	19.692.630.816
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.500.000	63.500.000
Cộng	**20.745.967.165**	**19.756.130.816**

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	P.tiện vận tải truyền dẫn VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Cộng VNĐ
Nguyên giá						
Số đầu năm	151.138.276.403	59.816.845.931	28.112.049.760	1.694.912.101	60.500.000	240.822.584.195
Tăng trong năm	12.579.363.548	6.724.018.182	-	22.343.000	-	19.325.724.730
Giảm trong năm	17.365.420	210.639.826	286.401.009	-	60.500.000	574.906.255
Số cuối năm	**163.700.274.531**	**66.330.224.287**	**27.825.648.751**	**1.717.255.101**	**-**	**259.573.402.670**
Khấu hao						
Số đầu năm	23.611.347.026	18.418.516.565	10.912.957.418	659.506.165	29.124.998	53.631.452.172
Tăng trong năm	3.346.192.028	3.298.577.768	1.584.823.722	177.015.500	5.041.666	8.411.650.684
Giảm trong năm	2.964.257	210.639.826	274.335.039	-	34.166.664	522.105.786
Số cuối năm	**26.954.574.797**	**21.506.454.507**	**12.223.446.101**	**836.521.665**	**-**	**61.520.997.070**
Giá trị còn lại						-
Số đầu năm	127.526.929.377	41.398.329.366	17.199.092.342	1.035.405.936	31.375.002	187.191.132.023
Số cuối năm	**136.745.699.734**	**44.823.769.780**	**15.602.202.650**	**880.733.436**	**-**	**198.052.405.600**

13. Tài sản cố định thuê tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	4.495.509.493		4.495.509.493
Tăng trong năm	-	-		-
Giảm trong năm	-	2.457.142.857		2.457.142.857
Số cuối năm	-	**2.038.366.636**		**2.038.366.636**
Khấu hao				
Số đầu năm	-	1.857.468.657		1.857.468.657
Tăng trong năm	-	349.223.430		349.223.430
Giảm trong năm	-	1.256.991.477		1.256.991.477
Số cuối năm	-	**949.700.610**		**949.700.610**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	2.638.040.836		2.638.040.836
Số cuối năm	-	**1.088.666.026**		**1.088.666.026**

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	95.255.882.814	539.210.696	95.795.093.510
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	**95.255.882.814**	**539.210.696**	**95.795.093.510**
Khấu hao			
Số đầu năm	-	282.216.674	282.216.674
Tăng trong năm	-	48.565.446	48.565.446
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	**330.782.120**	**330.782.120**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	95.255.882.814	256.994.022	95.512.876.836
Số cuối năm	**95.255.882.814**	**208.428.576**	**95.464.311.390**

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Các dự án cao su	182.960.099.555	112.449.867.280
Các dự án bến xe	89.643.582.248	75.177.126.857
Các dự án thủy điện	13.889.708.853	20.132.060.949
Các dự án mỏ	11.023.621.229	3.833.845.350
Các dụ án khác	112.104.988.551	78.317.998.069
Cộng	**409.622.000.436**	**289.910.898.505**

16. Bất động sản đầu tư

Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

17. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
- Đầu tư vào công ty liên kết	***8.045.308.861***	***8.045.308.861***
+ Góp vốn cho Cty TVTK Xây dựng giao thông Gia Lai	*8.045.308.861*	*8.045.308.861*
- Đầu tư dài hạn khác	***95.981.850.697***	***89.279.469.511***
+ Góp vốn vào công ty Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn	*5.600.000.000*	*5.600.000.000*
+Trái phiếu ngân hàng công thương	*10.000.000.000*	*10.000.000.000*
+ Cho vay dài hạn Cty TNHH Đức Long Dung Quất	*47.683.634.291*	*40.981.253.105*
+ Cho cá nhân vay	*32.698.216.406*	*32.698.216.406*
Cộng	**104.027.159.558**	**97.324.778.372**

18. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	*3.791.120.153*	2.397.820.920
Chi phí dài hạn chờ phân bổ	*4.251.071.278*	5.935.339.913
Cộng	**8.042.191.431**	**8.333.160.833**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Tài sản dài hạn khác

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản ký quỹ, ký cược(Công ty cho thuê Tài chính II)	*149.400.000*	151.400.000
Khoản ký quỹ môi trường	*186.400.000*	184.400.000
Cộng	**335.800.000**	**335.800.000**

20. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	**440.185.170.859**	**370.001.027.068**
- Ngân hàng Công Thương Gia Lai	*51.140.000.000*	*49.121.000.000*
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai	*372.113.652.835*	*310.290.224.826*
- Ngân hàng GPBank - CN Gia Lai	*0*	*400.000.000*
- Ngân hàng Ngoại Thương Gia Lai	*6.635.000.000*	*6.635.000.000*
- Ngân hàng Thương mại CP Sài Gòn Thương Tín CN TPHCM	*3.000.000.000*	
- Ngân hàng Eximbank_CN Tân Sơn Nhất	*5.000.000.000*	
- Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Đăknong	*850.000.000*	*850.000.000*
- Vay cá nhân	*1.446.518.024*	*2.704.802.242*
Nợ dài hạn đến hạn trả	**94.011.376.088**	**39.119.385.806**
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai	*21.480.000.000*	*35.490.908.274*
- Ngân hàng Đầu tư và PT VN - CN Đăknong	*150.000.000*	*315.000.000*
- Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Đăknong	*500.000.000*	*500.000.000*
- Ngân hàng Thương mại CP Sài Gòn Thương Tín CN TPHCM	*69.715.555.556*	*312.000.000*
- Ngân hàng Sài gòn Thương tín - CN Gia Lai	*156.000.000*	
- Ngân hàng Thương mại CP Kỹ Thương VN - CN Gia Lai	177.879.000	*290.736.000*
- Ngân hàng Thương mại CP XNK VN_ CN Tân Sơn Nhất	*624.600.000*	*1.000.800.000*
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - CN TPHCM	*1.207.341.532*	*811.941.532*
- CN Công ty cho thuê tài chính II tại khánh Hòa	-	398.000.000
Cộng	**534.196.546.947**	**409.120.412.874**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
+ Thuế GTGT đầu ra	*6.605.757.087*	*3.712.653.604*
+ Thuế Thu nhập cá nhân	*1.434.772.620*	*192.608.113*
+ Thuế Thu nhập doanh nghiệp	*17.896.894.083*	*14.770.895.301*
+ Thuế Tài nguyên	*1.161.338.911*	*323.613.732*
+ Tiền thuê đất, thuế nhà đất	*2.621.521.500*	*2.621.521.500*
+ Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	*56.407.318*	*123.585.414*
Cộng	**29.776.691.519**	**21.744.877.664**

22. Chi phí phải trả

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
- Lãi vay phải trả	*37.722.150.888*	25.536.048.327
- Trích trước chi phi chuyển đổi trái phiếu	*148.500.000*	578.000.000
- Chi phi trích trước của công trình xây lắp	*121.256.000*	285.256.000
- Chi phí khác	*5.280.000*	330.000.000
Cộng	**37.997.186.888**	**26.729.304.327**

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
+ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	*1.013.961.693*	659.482.311
+ Bảo hiểm thất nghiệp	*84.317.652*	51.725.557
+ Kinh phí công đoàn	*53.692.933*	39.041.714
+ Tạm ứng(dư có)	*0*	7.753.997
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	*173.400.000*	*239.400.000*
+ Cổ tức phải trả	*771.147.955*	*771.147.955*
+ Các khoản phải trả. Phải nộp khác	*91.646.314.238*	255.743.257.486
Cộng	**93.742.834.471**	**257.511.809.020**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
a. Vay dài hạn	**460.077.590.318**	**203.324.951.300**
+ Ngân hàng Công thương Gia Lai(1)	*84.963.000.000*	*65.708.000.000*
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai(2)	*138.414.157.874*	*91.365.152.300*
+ Ngân hàng Sài Gòn thương Tín CN Gia Lai(3)	25.042.900.000	*12.554.400.000*
+ Ngân hàng TMCP Việt A - CN Quảng Ngãi(4)	*27.074.803.000*	*27.074.803.000*
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- CN Gia Lai(5)	*495.655.000*	*528.166.000*
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển ĐakNong(6)	*512.830.000*	*512.830.000*
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển VN - CNĐakNong(6)		*250.000.000*
+ Ngân hàng Sacombank Chi nhánh TPHCM(7)	*178.284.444.444*	
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - CN TPHCM	*3.500.000.000*	*3.500.000.000*
+ Ngân hàng TMCP XNK VN_CN Tân Sơn Nhất(8)	*1.789.800.000*	*1.831.600.000*
b. Nợ dài hạn	***0***	**195.400.000**
- CN Công ty Thuế tài chính II tại Khánh Hòa	*0*	*195.400.000*
Cộng	**460.077.590.318**	**203.520.351.300**

25. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
- Doanh thu bán căn hộ	7.946.891.699	7.946.891.699
- Doanh thu cho thuê cây xăng	314.999.996	372.272.731
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	12.500.000	
- Lãi trái phiếu Ngân hàng Công Thương	433.500.000	114.668.108
Cộng	**8.707.891.695**	**8.433.832.538**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2011	**291.000.000.000**	**13.335.942.000**	**6.303.832.983**	**1.667.966.786**	**84.757.959.290**
Tăng trong năm	61.107.080.000		6.771.005.752	2.524.423.914	
Lợi nhuận tăng trong năm					27.353.447.877
Giảm trong năm					
Số dư tại 31/12/2011	**352.107.080.000**	**3.442.712.000**	**13.074.838.735**	**4.192.390.700**	**46.409.724.228**
Số dư tại 01/01/2012	**352.107.080.000**	**3.442.712.000**	**13.074.838.735**	**4.192.390.700**	**46.409.724.228**
Tăng trong kỳ	318.744.000.000	46.666.550.000	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ		-	2.327.813.052	310.103.427	11.323.744.798
Giảm trong kỳ	-	170.500.000	-	-	3.952.515.154
Số dư tại 30/06/2012	**670.851.080.000**	**49.938.762.000**	**15.402.651.787**	**4.502.494.127**	**53.780.953.872**

b. Cổ phiếu

	30/06/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	48.544.008	35.210.708
- Cổ phiếu thường	*48.544.008*	*35.210.708*
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	48.544.008	35.210.708
- Cổ phiếu thường	48.544.008	35.210.708
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.544.008	35.210.708
- Cổ phiếu thường	*48.544.008*	*35.210.708*
- Cổ phiếu ưu đãi		-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

27. Doanh thu

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
	-	VND
Tổng doanh thu	**127.910.113.892**	**229.105.472.231**
- Doanh thu bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	*73.511.280.727*	111.829.347.353
- Doanh thu bán phân bón	-	46.309.523.810
- Doanh thu công trình Xây dựng	*29.613.556.063*	62.300.323.325
- Doanh thu cho thuê tài sản	*111.298.190*	49.090.905
- Doanh thu bán hàng	*5.750.124.456*	(67.922.304)
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	*3.249.184.469*	1.869.081.059
- Doanh thu bán đá	*8.640.898.264*	458.805.718
- Doanh thu bán điện	*1.772.075.500*	-
- Doanh thu dịch vụ bến xe và xe buýt	*5.261.696.223*	6.357.222.365
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	**5.504.440.930**
- Hàng bán bị trả lại(sản phẩm từ gỗ)	-	*5.504.440.930*
- Giảm giá hàng bán	-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**127.910.113.892**	**223.601.031.301**

Doanh thu Quý II/2012 giảm 44,17% so với Doanh thu Quý I/2011 tương ứng giảm 101.195.358.339 đồng. Nguyên nhân là do trong Quý II/2012 doanh thu phân bón không phát sinh, Doanh thu gỗ và các sản phẩm từ gỗ giảm 64,51% tương ứng 133.637.876.641 đồng, đồng thời doanh thu công trình xây dựng giảm 52,47% tương ứng giảm 32.686.767.262 đồng .

28. Giá vốn hàng bán

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	**113.833.951.521**	**190.042.348.810**
- Giá vốn bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	*70.082.635.988*	*104.788.189.255*
- Giá vốn bán phân bón	-	*46.852.380.953*
- Giá vốn công trình Xây dựng	*26.112.397.010*	*39.273.612.968*
- Giá vốn căn hộ	*0*	*(5.758.345.157)*
- Giá vốn cho thuê tài sản	*10.782.130*	*8.460.287*
- Giá vốn bán hàng	*3.198.137.659*	*788.527.750*
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	*3.222.966.266*	*1.641.618.699*
- Giá vốn bán đá	*7.526.104.547*	*(593.481.459)*
- Giá vốn bán điện	*785.038.878*	-
- Giá vốn dịch vụ bến xe và xe buýt	*2.895.889.043*	*3.041.385.514*
Cộng	**113.833.951.521**	**190.042.348.810**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Doanh thu Quý II/2012 giảm là nguyên nhân làm cho giá vốn trong kỳ giảm theo cụ thể giá vốn giảm 40,1% tương ứng 76.208.397.289 đồng so với Quý II/2011.

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	*6.344.117.616*	12.265.247.507
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	*957.121*	445.900.570
Cổ tức, lợi nhuận được chia	*41.386*	189.504.000
Lãi trái phiếu ngân hàng Công thương	*365.500.000*	279.750.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	*177.989.091*	-
		-
Cộng	**6.888.605.214**	**13.180.402.077**

Trong quý II/2012 doanh thu hoạt động tài chính giảm 48,28% tương ứng giảm 5.921.129.891 đồng so với Quý II/2011 nguyên nhân chủ yếu là do trong quý II/2012 các khoản công nợ đã được thu hồi về để phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

30. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	*10.803.212.060*	24.895.002.913
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	*636.799*	93.195.356
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	*3.004*	-
Lãi trái phiếu	-	6.935.500.000
Lãi thuê tài chính	-	(13.802.130)
Cộng	**10.803.851.863**	**31.909.896.139**

Chi phí hoạt động tài chính Quý II/2012 giảm 56,6% tương ứng giảm 14.091.790.853 đồng nguyên nhân chủ yếu là do trong quý II/2012 lãi xuất vay vốn ngắn hạn giảm từ 4-5% so với cùng kỳ . Cụ thể, Quý 2/2011 đơn vị vay vốn ngắn hạn với lãi suất bình quân là 20-21%/năm. Tuy nhiên, Quý II/2012 lãi xuất vay vốn ngắn hạn bình quân giảm chỉ còn 16-17%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Thu nhập khác

	Quý II năm 2012 VND	Quý II năm 2011 VND
Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ	355.475.093	1.206.342.514
Hàng thừa trong kiểm kê	-	167.531.203
Tiền điện	-	52.236.909
Thu bán trang phục	10.759.091	88.712.731
Cho thuê mặt bằng	-	273.383.472
Thu khác	37.547.146	81.552.942
Cộng	**403.781.330**	**1.869.759.771**

32. Chi phí khác

	Quý II năm 2012 VND	Quý II năm 2011 VND
Thanh lý TSCĐ	12.065.970	0
Giá vốn trang phục	36.574.975	85.174.617
Chi phí cho thuê tài sản	702.242.590	678.387.580
Nộp phạt thuế, phạt nộp chậm	86.673.182	158.789.632
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	3.463.185	391.413.686
Chi phí khác	32.435.632	-81.238.468
Cộng	**873.455.534**	**1.232.527.047**

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.723.822.720	2.981.409.137
Các khoản điều chỉnh để xác định LN phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.723.822.720	2.981.409.137
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	*48.544.008*	*32.009.827*
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**35,51**	**93,14**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

34. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng(bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại thuyết minh sau:

Các loại công cụ tài chính

	30/06/12 VND	31/12/11 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.881.717.574	8.670.784.056
Phải thu khách hàng và phải thu khác	633.432.323.408	605.365.815.001
Đầu tư ngắn hạn	43.525.151.221	45.376.707.554
Đầu tư dài hạn	95.981.850.697	89.279.469.511
Cộng	**779.821.042.900**	**748.692.776.122**

	30/06/12 VND	31/12/11 VND
Công cụ tài chính		
Các khoản vay	994.274.137.265	612.640.764.174
Phải trả người bán và phải trả khác	224.747.210.540	479.901.117.727
Chi phí phải trả	37.997.186.888	26.729.304.327
Cộng	**1.257.018.534.693**	**1.119.271.186.228**

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn được xác định tương đương với giá trị ghi sổ.

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá trên khả năng trả nợ của từng khách hàng .

Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc Tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc Tế.

Tuy nhiên, ban Tổng Giám Đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường(bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro thị trường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ , theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Nhưng tại thời điểm báo cáo mức độ rủi ro về tỷ giá là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt , Các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạ thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	534.196.546.947	460.077.590.318	994.274.137.265
Phải trả người bán và phải trả khác	224.420.210.540	327.000.000	224.747.210.540
Chi phí phải trả	37.997.186.888		37.997.186.888
Cộng	**796.613.944.375**	**327.000.000**	**1.257.018.534.693**

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	409.120.412.874	203.520.351.300	612.640.764.174
Phải trả người bán và phải trả khác	479.574.117.727	327.000.000	479.901.117.727
Chi phí phải trả	26.729.304.327		26.729.304.327
Cộng	**915.423.834.928**	**203.847.351.300**	**1.119.271.186.228**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ cá tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phí phái sinh là cần thiết để hiêu việ quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.881.717.574		6.881.717.574
Phải thu khách hàng và phải thu khác	633.432.323.408		633.432.323.408
Đầu tư ngắn hạn	43.525.151.221		43.525.151.221
Đầu tư dài hạn		95.981.850.697	95.981.850.697
Cộng	**683.839.192.203**	**95.981.850.697**	**779.821.042.900**

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.670.784.056		8.670.784.056
Phải thu khách hàng và phải thu khác	605.365.815.001		605.365.815.001
Đầu tư ngắn hạn	45.376.707.554		45.376.707.554
Đầu tư dài hạn		89.279.469.511	89.279.469.511
Cộng	**659.413.306.611**	**89.279.469.511**	**748.692.776.122**

35. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

	Quý 2/2012 VND
Bán hàng	
1.Công ty CP Chế Biến Gỗ Đức Long Gia Lai	674.129.508
2.Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên liệu,vật tư và TB ĐLGL	56.828.058.998
3.Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	1.380.185.094
4.Công ty TNHH Khai Thác và Chế biến Đá Granite ĐLGL	30.545.454
Mua hàng	
1.Công ty CP Chế Biến Gỗ Đức Long Gia Lai	797.451.208
Công ty CP Đầu tư và Phát triển dịch vụ Công Trình Công cộng ĐLGL	54.936.364
Công ty CP ĐTXD Nam Nguyên	647.272.728
Các nghiệp vụ khác	
Công ty TNHH ĐTXD Cầu đường Phước Hoàng Long	260.718.832
Công ty CP Tư vấn xây dựng Giao Thông Gia Lai	177.660.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tại ngày 30/06/2012, số dư các bên liên quan như sau :

	30/06/2012 VND
Phải thu khách hàng	**301.792.747.969**
Công ty CP Chế Biến Gỗ Đức Long Gia Lai	1.529.325.605
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên liệu,vật tư và TB ĐLGL	143.019.537.006
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Điện Năng Đức Long Gia Lai	23.033.334
Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	1.368.480.192
Công ty CP Trồng rừng và cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai	130.663.059.883
Công Ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	86.880.658
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức long Gia Lai	310.002
Công ty TNHH KTKS Đức Sang Gia Lai	25.005.905.995
Công ty CP BOT & BT Đức Long Đaknong	76.765.294
Công ty CP Xây dựng Giao thông Minh Long	19.450.000
Phải trả người bán	**1.823.764.765**
Công ty TNHH Khai Thác và Chế biến Đá Granit Đức Long Gia Lai	1.575.484.765
Công Ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	5.280.000
Công ty CP ĐTXD Nam Nguyên	243.000.000
Phải thu khác	**41.147.988.152**
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên liệu,vật tư và TB ĐLGL	15.386.868.417
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Điện Năng Đức Long Gia Lai	2.537.588.295
Công ty CP Trồng rừng và cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai	18.737.479.875
Công ty CP Xây dựng giao thông Đức Long Gia Lai	7.274.000
Công ty TNHH ĐTXD Cầu đường Phước Hoàng Long	4.467.777.565
Công ty TNHH KTKS Đức Sang Gia Lai	1.000.000
Công ty CP ĐTXD Nam Nguyên	10.000.000
Phải trả khác	**29.029.499.232**
Công ty CP Chế Biến Gỗ Đức Long Gia Lai	3.381.467.177
Công ty CP Đầu tư và Phát triển dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	13.656.656.613
Công ty TNHH Khai Thác và Chế biến Đá Granit Đức Long Gia Lai	6.187.686.659
Công ty CP ĐT và KD Bất động sản Đức Long Gia Lai	2.870.424.644
Công Ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	99.993.180
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức long Gia Lai	1.624.572.704
Công ty XD giao thông Minh Long Gia Lai	1.195.698.255
Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	13.000.000
Đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	**48.536.074.291**
Công ty CP Chế Biến Gỗ Đức Long Gia Lai	852.440.000
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	47.683.634.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

37. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Đình Trạc	Nguyễn Thanh Tùng	Trần Thị Tinh Tú

Gia Lai, ngày 14 tháng 08 năm 2012